

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN BÌNH CHÁNH Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bản án số: 132/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 21/02/2025
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Châu.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Nguyên.

Ông Vũ Huy Hoàng.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2025, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1013/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1066/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2025/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Phan Thị Cẩm T**, sinh năm 1999;

Địa chỉ thường trú: Ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang; Địa chỉ cư trú: G Tổ A ấp G xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông **Lâm Thanh T1**, sinh năm 1992;

Địa chỉ: A (số mới là 265) ấp A, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Phan Thị Cẩm T trình bày:

Bà và ông Lâm Thanh T1 chung sống với nhau do tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 11/02/2022. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng từ năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, ông T1 không phụ giúp bà chăm sóc gia đình, nuôi dạy con cái mặc dù bà đã cho ông T1 rất nhiều cơ hội để sửa đổi. Đến cuối năm 2023 bà và ông T1 đã sống ly thân. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông T1 để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà và ông T1 có 01 (một) con chung là trẻ Lâm Thanh T2 (giới tính nữ, sinh ngày 05/11/2023), hiện trẻ T2 đang được bà chăm sóc, nuôi dưỡng tốt. Bà yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Trần, không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà và ông T1 không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông T1 không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lâm Thanh T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt, không thể hiện có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của bà Phan Thị Cẩm T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên toà có ý kiến như sau:

Trong quá trình điều tra, thu thập chứng cứ Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn theo đơn khởi kiện của bà Phan Thị Cẩm T. Về con chung: Giao trẻ Lâm Thanh T2 (giới tính nữ, sinh ngày 05/11/2023) cho bà Phan Thị Cẩm T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Lâm Thanh T1. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phan Thị Cẩm T xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Phan Thị Cẩm T và ông Lâm Thanh T1 chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 11/02/2022. Do cuộc sống chung không hạnh phúc nên bà T yêu cầu ly hôn với ông T1. Đây là tranh chấp về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có nơi cư trú tại xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, theo quy định khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh có thẩm quyền giải quyết.

Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã thực hiện các thủ tục tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho ông Lâm Thanh T1. Tại phiên tòa hôm nay, ông T1 vắng mặt. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông T1 là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 07 đăng ký ngày 08/12/2014 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện hôn nhân giữa bà Phan Thị Cẩm T và ông Lâm Thanh T1 là hợp pháp.

Tại Công văn số 3321/UBND ngày 17/12/2024 Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cho biết không rõ nguyên nhân phát sinh tranh chấp giữa bà Phan Thị Cẩm T và ông Lâm Thanh T1.

Quá trình tố tụng, bị đơn ông Lâm Thanh T1 vắng mặt, không thể hiện ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của bà Phan Thị Cẩm T và không có bất kỳ động thái nào để níu kéo, cứu vãn cuộc hôn nhân này. Theo lời trình bày của bà T thì bà và ông T1 đã sống ly thân từ cuối năm 2023 đến nay nhưng không có biện pháp nào để hàn gắn. Điều này cho thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu ly hôn của bà T là có cơ sở nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Căn cứ Giấy khai sinh số 141 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/11/2023 thì trẻ Lâm Thanh T2 (giới tính nữ, sinh ngày 05/11/2023) là con của bà Phan Thị Cẩm T và ông Lâm Thanh T1. Bà T xác định quá trình chung sống chỉ có một con chung với ông Lâm Thanh T1 là trẻ Lâm Thanh T2 (giới tính nữ, sinh ngày 05/11/2023).

Tại khoản 1, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên...

2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.

3. Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”.

Tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở”.

Xét thấy, trẻ T2 còn nhỏ, đang trong giai đoạn hoàn thiện về mặt tâm sinh lý để phát triển về mọi mặt, cần sự chăm sóc, gần gũi, yêu thương, chia sẻ, dạy dỗ nhiều từ mẹ. Hiện nay, trẻ T2 đang được bà T chăm sóc, nuôi dưỡng tốt. Quá trình tố tụng vụ án, Tòa án cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng thông báo cho ông T1 biết về yêu cầu bà T muốn được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, tuy nhiên ông T1 không có bất kỳ động thái nào phản đối. Do đó, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của trẻ và tránh làm cuộc sống của trẻ bị xáo trộn nên giao trẻ Trần cho bà T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Ông T1 có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Phản cấp dưỡng nuôi con bà T không có yêu cầu, khi nào có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Bà Phan Thị Cẩm T xác định quá trình chung sống không có tạo lập tài sản chung với ông Lâm Thanh T1 và không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Bà Phan Thị Cẩm T xác định quá trình chung sống bà và ông Lâm Thanh T1 không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[3] Xét, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà Phan Thị Cẩm T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 8, 9, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 4, Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phan Thị Cẩm T đối với ông Lâm Thanh T1. Bà Phan Thị Cẩm T được ly hôn với ông Lâm Thanh T1.

Giấy chứng nhận kết hôn số 07 đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 11/02/2022 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao trẻ Lâm Thanh T2 (giới tính nữ, sinh ngày 05/11/2023) cho bà Phan Thị Cẩm T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Phần cấp dưỡng nuôi con bà T không có yêu cầu, khi nào có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết.

Ông Lâm Thanh T1 có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của trẻ khi cần thiết có thể xin thay đổi việc nuôi con hoặc góp phần phí tổn nuôi con sau này.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Bà Phan Thị Cẩm T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra để giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Phan Thị Cẩm T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra để giải quyết.

5. Về án phí: Bà Phan Thị Cẩm T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được cản trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0051390 ngày 02 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi Nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND H.BC;
- THADS H.BC;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ (...)

Nguyễn Thị Ngọc Châu